TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬNCẨM LỆ -TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 150/2020/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 15 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Tiến H, sinh năm 1984; địa chỉ: Căn hộ 602 tầng 6, khu chung cư E2, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng và bà Trương Thị Ngọc Th, sinh năm 1984; địa chỉ: B6.12 khối B khu chung cư R, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Tiến H và bà Trương Thị Ngọc Th kết hôn với nhau vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Số 103, quyển số 01 ngày 02/7/2009). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị đến năm 2015 chuyển về sống tại căn hộ 602 tầng 6, khu chung cư E2, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không đồng thuận. Ông H và bà Th sống không hạnh phúc và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông H và bà Th đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Tiến H và bà Trương Thị Ngọc Th là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về quan hệ con chung*: Ông H và bà Th xác nhận có hai con chung tên Trần Hoàng L, sinh ngày 31/1/2010 và Trần Tiến Q, sinh ngày 08/6/2012. Ly hôn, ông H và bà Th thỏa thuận: Bà Trương Thị Ngọc Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Hoàng L, sinh ngày 31/1/2010 và Trần Tiến Q, sinh ngày 08/6/2012. Ông Trần Tiến H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng

10.000.000 đồng (Mỗi con 5.000.000 đồng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, kể từ tháng 7 năm 2020.

Ông H và bà Th tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung:* Ông H và bà Th xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ông H và bà Th xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Tiến H và bà Trương Thị Ngọc Th.

- *Về con chung*: Bà Trương Thị Ngọc Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Hoàng L, sinh ngày 31/1/2010 và Trần Tiến Q, sinh ngày 08/6/2012. Ông Trần Tiến H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mỗi con 5.000.000 đồng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, kể từ tháng 7 năm 2020.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Ông H và bà Th xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông H và bà Th xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* ông Trần Tiến H và bà Trương Thị Ngọc Th phải chịu. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* ông Trần Tiến H và bà Trương Thị Ngọc Th đã nộp tại biên lai thu số 0001073 ngày 11/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông H và bà Th đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ;
- UBND phường 5, tp Đ, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lệ hằng